

ĐƠN VỊ:

THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGOẠI NGỮ CỦA
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức:

1.1 Cán bộ, công chức cấp tỉnh:

[illegible]

1.2 Công chức, viên chức cấp Sở và tương đương:

[illegible]

1.3 Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện:

TT	Đối tượng	Vị trí công tác		Giới tính		Độ tuổi			Ngạch công chức/Hạng viên chức					Ghi chú
		Giữ chức vụ LĐQL	Không giữ chức vụ LĐQL	Nam	Nữ	Dưới 40	40-50	Trên 50	CS & TĐ/ Hạng I	CV & TĐ/ Hạng II	CVC & TĐ/ Hạng III	CVCC & TĐ/ Hạng IV	Khác	
1	Cán bộ													
2	Công chức													
3	Viên chức													
Tổng cộng:														

1.3 Cán bộ, công chức cấp xã:

TT	Đối tượng	Vị trí công tác		Giới tính		Độ tuổi			Ngạch công chức				Ghi chú
		Giữ chức vụ LĐQL	Không giữ chức vụ LĐQL	Nam	Nữ	Dưới 40	40-50	Trên 50	CS & TĐ	CV & TĐ	CVC & TĐ	Khác (ghi rõ)	
1	Cán bộ												
2	Công chức												
Tổng cộng:													

2. Trình độ ngoại ngữ hiện có:

2.1 Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1 & TĐ	A2 & TĐ	B1 & TĐ	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCC cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
3	CBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															

		NN khác (ghi rõ)															
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
Tổng cộng																	

2.2 Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1 & TĐ	A2 & TĐ	B1 & TĐ	B2 & TĐ	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCCVC cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1 & TĐ	A2 & TĐ	B1 & TĐ	B2 & TĐ	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
3	CBCCVC cấp - huyện	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
Tổng cộng																	

3. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ:

3.1 Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1	A2	B1-	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Ch. ngành	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCCVC cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
3	CBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															

4	CBCC cấp xã	Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
		Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
Tổng cộng																	

3.2 Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1	A2	B1	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Ch. ngành	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCCVC cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															

2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
3	CBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (khác)																
Tổng cộng																		